

KHÁI QUÁT VỀ HỆ THỐNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC HOA KỲ

D. Bruce Johnstone

Chúng tôi bắt đầu bằng việc thừa nhận rằng hệ thống GDDH Hoa Kỳ quả là phức tạp và không phải bao giờ cũng được hiểu đúng, thậm chí cả đối với người Mỹ. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi hệ thống này có vẻ quá phức tạp đối với sinh viên và học giả quốc tế - thậm chí cả với những người đã từng theo học trước đây ở Hoa Kỳ. Mức độ phức tạp cao của nền GDDH Hoa Kỳ là do nhiều yếu tố, chẳng hạn:

- Quy mô tuyệt đối của lĩnh vực GDDH Hoa Kỳ, được đo bằng cả số lượng các trường đại học (gần 4000) và số lượng sinh viên nhập học toàn thời gian và bán thời gian (gần 15 triệu);

- Thực tế là GDDH Hoa Kỳ (cũng như giáo dục tiểu học và trung học) thuộc quyền kiểm soát của 50 bang chứ không phải của chính phủ quốc gia (đôi khi gọi là Chính phủ "liên bang") - cho dù thực ra Hoa Kỳ cũng có một cơ quan quản lý cấp Liên bang (được gọi là Department of Education) đứng đầu bằng một quan chức cấp chính phủ (đôi khi tương tự một "bộ trưởng");

- Sự tồn tại một khu vực đại học tư quan trọng hoạt động không vì lợi nhuận (nhiều trường trong số này muốn được gọi là "độc lập" hơn là "tư") bao gồm cả các trường có uy tín nhất và nổi tiếng nhất (như Stanford, Harvard, Yale và Viện Đại học Nam California) cũng như nhiều trường đại học nhỏ nhất và ít chọn lọc nhất;

- Sự lẫn lộn về cách gọi tên, trong đó các thuật ngữ như "college" và "university" có rất nhiều nghĩa và nhìn chung là không chính xác¹;

Bài viết nêu lên một số đặc trưng quan trọng của GDDH ở Hoa Kỳ (mà một số người cho là "phi hệ thống") và chỉ ra tính độc đáo của chúng. Có lẽ do vậy GDDH Hoa Kỳ thường hay bị hiểu nhầm hoặc hoàn toàn không được sinh viên, học giả hay du khách từ Việt Nam nhận thức đúng đắn. Trong số đó có các đặc trưng sau đây:

1. Chủ nghĩa liên bang hay việc không có một bộ giáo dục quốc gia

Ít có đặc trưng nào khó giải thích cho một nhà quan sát nước ngoài hơn là việc không tồn tại một bộ giáo dục quốc gia Hoa Kỳ. Một phần khó khăn là do hầu như mọi nước khác đều có bộ giáo dục. Ngoài ra cũng do khó giải thích tại sao trong khi không có một bộ giáo dục liên bang thì bằng cử nhân và bằng tiến sĩ thực chất đều giống nhau ở New York, Wisconsin và Oregon; tại sao Chính phủ Liên bang có thể được đảm bảo một cách tương đối rằng sự hỗ trợ tài chính của nó đều mang lại kết quả như nhau ở California và Florida; và làm thế nào trình độ học vấn của một cử nhân ngành lịch sử có thể rất khác biệt đối với những người tốt nghiệp từ các trường khác nhau, nhưng những khác biệt này lại không biến đổi một cách có hệ thống qua các bang (thay vào đó, chúng biến đổi trước hết bởi văn

bằng cao nhất mà nhà trường cấp và bởi mức độ chọn lọc, và vì vậy bởi uy tín của từng trường).

Việc không có một bộ giáo dục quốc gia thực sự cũng khó giải thích hơn khi hầu hết các đại biểu quốc hội, các thượng nghị sĩ và các tổng thống đều kiên trì hành động cứ như GDDH là một trách nhiệm của liên bang - điều đó được khẳng định thêm khi Hoa Kỳ có một cơ cấu được đặt tên là "Department of Education" và được một quan chức cấp chính phủ tương tự một "bộ trưởng" điều hành. Chính phủ Liên bang Hoa Kỳ đóng một vai trò rất quan trọng trong việc cấp kinh phí cho sinh viên và hỗ trợ nghiên cứu. Nhưng Hoa Kỳ lại hướng trách nhiệm hỗ trợ tài chính của liên bang dành cho nghiên cứu chủ yếu đến các trường đại học có danh tiếng - cả công và tư - hơn là đến các viện nghiên cứu quốc gia như ở Pháp, hoặc Liên Xô cũ hoặc thậm chí ở Đức. Sự thiếu vắng một bộ giáo dục lại được khẳng định thêm bởi những gì mà Cơ quan Giáo dục Liên bang không chịu trách nhiệm, ví dụ như nó chẳng dính líu gì đến các tiêu chuẩn đầu vào hoặc tuyển sinh, các yêu cầu hay tiêu chuẩn của các văn bằng, các trình độ quy định đối với đội ngũ giáo chức hay bất cứ điều gì về thời hạn và điều kiện tuyển dụng, việc tuyển chọn các thành viên hội đồng quản trị hay các quan chức điều hành chủ chốt, hay bất cứ điều gì khác liên quan đến việc các trường, công hoặc tư, được quản trị và/hoặc được điều hành như thế nào.

2. Khu vực đại học tư rộng lớn và phân cực về uy tín

Việc Hoa Kỳ có một khu vực đại học tư rộng lớn có vẻ khác thường chỉ đối với người châu Âu và công dân các nước cộng sản trước đây và hiện nay,

mặc dù thậm chí Nga, các nước Trung, Đông Âu, và các nước khác tách khỏi Liên Xô cũ cũng như Trung Quốc và cả Việt Nam cũng đang bắt đầu phát triển ngày một nhiều các loại trường tư sau trung học - dù rằng còn rất nhiều khó khăn về tài chính và nhìn chung còn rất thấp về mặt vị thế. Tuy nhiên, ở châu Mỹ Latinh, Ấn Độ và Đông Á, các trường đại học tư từ lâu đã phân bố rộng khắp và rất quan trọng - mặc dù đa phần đóng vai trò các trường phục vụ theo nhu cầu hơn là các mô hình có uy tín về mặt học thuật và xã hội. Điều độc đáo của các trường đại học tư của Mỹ chính là bản chất phân cực của tính chọn lọc, và do đó của uy tín của chúng. Các trường chọn lọc nhất, có uy tín nhất hay ít chọn lọc nhất và kém uy tín nhất đều là trường tư. Các trường chọn lọc nhất và tinh hoa nhất hầu như tất yếu cũng là tinh hoa xã hội về mặt nào đó, và các trường ít chọn lọc nhất bao gồm một số trường thuộc loại dễ nhập học nhất và nhận sinh viên nghèo. Mặc dù ảnh hưởng của chính phủ đối với các hoạt động của các trường tư có mặt hạn chế do truyền thống và do tiền lệ liên quan đến Hiến pháp từ trường hợp Đại học Dartmouth của Tòa án Tối cao năm 1819, tính công trong sứ mạng của các trường và tính liên kết giữa nhà trường và cộng đồng xung quanh là hầu như giống nhau đối với cả các trường tư và các trường công.

Tầm quan trọng của khu vực tư nhân Hoa Kỳ đối với GDDH Hoa Kỳ và thế giới ngày nay chủ yếu là do các trường tư (bao gồm cả các viện đại học nghiên cứu và các trường chọn lọc cao đào tạo bốn năm) đã đạt được đỉnh cao của tính chọn lọc và uy tín. Tầm quan trọng này phần lớn là do việc không có một trường đại học quốc gia

thực sự, và vì thế, trong hơn hai thế kỷ sau đó, phần lớn số tiền nghiên cứu của liên bang chỉ cho nghiên cứu cơ bản được phân trực tiếp đến các trường đại học trên cơ sở cạnh tranh công khai, điều mà các trường tư cũng có khả năng bằng, hoặc hơn, các trường công. Hơn nữa, vị thế của các trường tư chọn lọc cao được duy trì bởi các nguồn tài trợ dồi dào và bởi việc phụ huynh cũng như học sinh Mỹ đều sẵn lòng gánh chịu một phần đáng kể chi phí cho GDDH vốn đã cao và ngày một cao hơn.

3. Quản trị và quyền lực cao nhất (ở cả khu vực công và tư) nằm trong tay hội đồng quản trị tự nguyện và không chuyên

Kết hợp của việc người Mỹ hết sức mất tín nhiệm vào chính phủ (đặc biệt là chính phủ tập trung hóa) với việc bùng nổ khác thường khu vực GDDH tư ở Hoa Kỳ vào thế kỷ XIX (các trường này đã học tập Scotland và Hà Lan giao hẳn quyền quản trị cao nhất cho một hội đồng bán thời gian, không chuyên và tự nguyện) đã mở rộng mô hình hội đồng quản trị không chuyên sang cả khu vực đại học công của các bang - và thậm chí sang cả các trường đại học tổng hợp và cao đẳng cộng đồng công lập của thế kỷ XX. Vì thế, mô hình quản trị công này, trong khi rõ ràng là có trách nhiệm đối với công chúng và cũng được tuyển chọn hoặc bởi công chúng hoặc bởi thống đốc bang, đã tạo nên một tầng đệm cách ly với chính phủ (tức là với các thống đốc và các hệ thống luật pháp của bang) và mang lại quyền tự chủ rất cao cho hầu hết các trường đại học bang trước các chính quyền bảo trợ. Mô hình quản trị kiểu tầng đệm này đương nhiên dẫn đến việc các hiệu trưởng của các trường đại học Mỹ có

quyền lực cao hơn rất nhiều, đặc biệt khi so với các hiệu trưởng ở châu Âu.

4. Sự lệ thuộc rất lớn về mặt tài chính - ở cả khu vực công và tư - vào nguồn kinh phí phi chính phủ hoặc miễn thuế

Sự phổ biến của đại học tư ở Mỹ, thông thường là các trường tôn giáo, trong đời sống của các gia đình Mỹ thuộc giai cấp trung lưu và trên trung lưu từ giữa thế kỷ XIX trở lại đây, sự giàu có ngày càng tăng của giai cấp trung lưu và sự vắng mặt một trường đại học liên bang tương đương với các trường nổi tiếng nhất của châu Âu lục địa đã dẫn đến việc các gia đình Mỹ đồng ý chia sẻ một phần lớn chi phí học đại học của con cái họ. Vì vậy, mặc dù các trường đại học công được nhà nước tài trợ rất nhiều trong suốt thập niên 1960, các khoản kinh phí khổng lồ được bổ sung bằng việc tăng nhanh số lượng các trường đại học công (ban đầu là do Dự luật dành cho các cựu quân nhân Mỹ và sau đó là do sự bùng nổ trẻ em thời hậu chiến). Các trường này cũng nhận được phần tài trợ rất lớn từ các nguồn thu nhập phi chính phủ (học phí, các lệ phí khác, các quỹ từ thiện tư nhân và các nghiên cứu cạnh tranh theo hợp đồng). Nhìn chung, các trường đại học được tài trợ tương đối đầy đủ cho dù cử tri Mỹ từ chối đóng thuế và khu vực đại học công lập phải cạnh tranh ngày một nhiều hơn với nhu cầu về y tế, phúc lợi xã hội, giáo dục cơ bản, quốc phòng và các điều chỉnh do đồng tiền mất giá.

Trong khi đó ở châu Âu (ngoại trừ Anh, Hà Lan, Bồ Đào Nha và gần đây nhất là Áo), các nước trước đây theo chủ nghĩa Mác như Liên Xô cũ, Trung Âu và Đông Âu cũng như phần lớn các nước thuộc châu Phi và châu Á, thì sự cam kết theo ý thức hệ đối với một nền

GDDH miễn phí (đôi khi mở rộng đến mức được bao cấp phần lớn về ăn ở và thậm chí cả tiền tiêu vặt) đã đặt toàn bộ gánh nặng tài chính của GDDH lên vai người nộp thuế. Những người nộp thuế và các chính trị gia cấp bang ở Hoa Kỳ thường than phiền về các khoản kinh phí cấp cho các trường công. Nhưng không ở một nước nào mà người nộp thuế lại có được khả năng tiếp cận GDDH một cách dễ dàng và đạt chất lượng cao so với số tiền đóng thuế tương đối thấp như ở Hoa Kỳ.

5. Sự đáp ứng (ở cả khu vực công và tư) đối với nhu cầu và lợi ích của cộng đồng và bang, bao gồm chính quyền, giới doanh nghiệp và công dân

“Sự đáp ứng” đối với các nhu cầu của chính quyền (dù là quốc gia, bang hay địa phương), giới doanh nghiệp và công chúng (đặc biệt là sinh viên và gia đình của họ) có vẻ khả quan và đáng trân trọng. Nhưng sự đáp ứng của các trường đại học Mỹ - tương phản sâu sắc với các trường ở châu Âu và thậm chí có vẻ như với hầu hết các trường ở các nước cộng sản cũ (tức là trước 1990) - không phải xuất phát từ bản chất truyền thống của nhà trường hoặc nghề nghiệp đặc biệt cao quý ở Hoa Kỳ mà từ sự kết hợp các đặc tính của các trường đại học Hoa Kỳ, và đặc biệt là sự lệ thuộc của tất cả các trường vào các nguồn thu nhập phi chính phủ. Chính vì thế các trường phải quan tâm nghiêm túc đến các nhà tài trợ có tiềm năng, các chính quyền bang và địa phương, sinh viên và gia đình của họ.

Khi các trường đại học công lập Mỹ phát triển ở nửa sau thế kỷ XIX và cả thế kỷ XX, việc theo đuổi một nền giáo dục “kiến thức vị kiến thức” đã không còn đủ cơ sở để xin được kinh

phí cần thiết từ các nhà lập pháp bang. Vì thế các trường đại học nghiên cứu công lập lớn của Mỹ - các trường nổi tiếng như các viện đại học Michigan, Wisconsin, California, Illinois, Bắc Carolina và các trường đại học nghiên cứu công lập hàng đầu khác - đã cùng với các tổ chức bảo trợ luật pháp của bang sở tại tiến đến một thỏa hiệp có tầm chiến lược lớn nhưng không bằng văn bản: các trường đại học hàng đầu của bang sẽ tuyển một số lượng lớn sinh viên cấp đại học (có thể nhiều người trong số này không đủ trình độ học vấn để được nhận vào một trường đại học hàng đầu của châu Âu) và sẽ duy trì tiêu chuẩn trình độ của đầu ra bằng cách cho thôi học một số lớn sinh viên trong một hoặc hai năm đầu. Ngoài ra, họ sẽ chăm nom cho các đội bóng bầu dục Mỹ và làm cho những người nộp thuế cảm thấy tự hào về bang của mình. Họ sẽ chú trọng đến mặt ứng dụng và thực tiễn của GDDH bằng cách đáp ứng những mối quan tâm về nghề nghiệp của sinh viên giờ đây có xu hướng muốn chọn ngành kinh doanh, truyền thông và khoa học vi tính. Họ cũng sẵn sàng dành thời gian của các giáo chức và các phòng thí nghiệm cho bất cứ nghiên cứu khoa học nào có khả năng trực tiếp hay gián tiếp thu hồi kinh phí đầu tư.

Trong khi một số người có thể than phiền về tính thị trường hóa của các trường đại học ở Hoa Kỳ thì chính quyền ở các nước khác lại đang cố tìm cách để các trường đại học của họ thi đua với tính đáp ứng của GDDH Hoa Kỳ, điều mà các chính phủ và nhiều nhà lãnh đạo đại học giải thích như là trách nhiệm của trường đại học. Và trong khi một số học giả, đặc biệt là các nhà khoa học nhân văn có thâm niên, có thể cũng gièm pha tính đáp ứng này và đặc biệt là các yếu tố tài

chính của nó, thì chính những yếu tố này lại làm cho GDDH Hoa Kỳ (cả công và tư) tiếp cận các nguồn kinh phí hợp lý hơn và có lẽ đảm bảo hơn so với các trường đại học ở bất kỳ nước nào khác.

6. Mô đun hóa các chương trình đào tạo có cấp bằng

Việc thị trường hóa GDDH Hoa Kỳ, sự lệ thuộc vào học phí và mức độ đáp ứng khác thường đối với những quan tâm và nhu cầu về nghề nghiệp của sinh viên đã có thể (hoặc tất yếu) đạt được nhờ việc mô-đun hoá các chương trình đào tạo có cấp bằng. Văn bằng của Mỹ được cấp trước tiên dựa trên sự tích lũy tín chỉ theo một mô hình đào tạo được chấp nhận bao gồm giáo dục đại cương, giáo dục chuyên ngành và các môn tự chọn. Tâm quan trọng của mô hình này là việc các tín chỉ của trường này cũng được xem là có chất lượng ngang với tín chỉ của trường kia. Nếu sinh viên thiếu quan tâm đến việc học tập hoặc nếu một trường nào đó có vẻ hứa hẹn nhiều hơn với sinh viên, hoặc tỏ vẻ tốt hơn so với thực tế của họ thì sinh viên có thể chuyển các tín chỉ đã đạt được sang một trường khác mà không bị mất thời gian học hay mất bớt tín chỉ. Đặc tính này cũng tạo nên móng cho một đặc tính khác của GDDH Hoa Kỳ: của vào đại học luôn rộng mở. Điều này đảm bảo rằng thất bại trong học tập không phải bao giờ cũng là tuyệt đối và không thể đảo ngược tình thế. Sinh viên hầu như bao giờ cũng có thể chuyển tiếp từ trường này mà họ đã tích lũy đến trường khác nào khác chấp nhận tất cả tín chỉ hết các tín chỉ đó, và vì thế họ mới có thể khả năng lấy được bằng cử nhân một cơ hội hẳn đã tắt ngấm nếu họ học ở hầu hết các nước khác.

7. Tâm quan trọng đối với khả năng nhập học và “cánh cửa luôn rộng mở” xuyên qua giáo dục thường xuyên

Khả năng đào tạo sau trung học rất lớn. Các yếu tố quan trọng như một trường sau trung học ở hầu hết các bang trong phạm vi có thể đi học bằng phương tiện giao thông công cộng đối với hầu hết dân cư trong bang, rất nhiều loại tiêu chuẩn nhập học, bao gồm cao đẳng cộng đồng hay một trường tư không chọn lọc, việc không đòi hỏi thêm chứng chỉ nào ngoại trừ bằng tốt nghiệp phổ thông trung học, và sự hỗ trợ tài chính nhờ việc làm bán thời gian... kết hợp lại để đảm bảo rằng bất cứ một thanh niên nào - thậm chí cả những người mà phụ huynh hoàn toàn không có khả năng hỗ trợ tài chính, nhưng bản thân họ có chút ít quan tâm, đủ năng lực và sẵn sàng chấp nhận vay nợ - đều có thể tìm được một chỗ ở một trường đại học nào đó. Sau đó họ có thể chuyển tiếp các tín chỉ tích lũy thành công ở trường này đến một trường bốn năm cấp bằng cử nhân. Ngoài ra, các cánh cửa đại học hầu như chẳng bao giờ đóng hoàn toàn. Học tập thất bại ở một trường không có nghĩa là không được nhận vào một trường khác, thông thường là ít chọn lọc hơn và ít uy tín hơn. Cũng như vậy, việc học tập thất bại hay việc không còn thích một ngành học nào đó, thường được gọi là “ngành đào tạo chính” ở một trường đại học Mỹ, sẽ không ngăn cản một sinh viên tiếp tục thử xin vào một vài trường khác. Không có một nơi nào khác trên thế giới mà một sinh viên hai mươi lăm tuổi có bằng cử nhân tiếng Anh và Lịch sử lại có thể quyết định trở thành một bác sĩ và có cơ hội vào học trường y khoa. Ngoài

ra, sự quan tâm của hầu hết các trường đại học đối với sự đa dạng sắc tộc thường rất mạnh, đến mức các sinh viên trẻ xuất thân từ các thành phần “có mức đại diện thấp”² được ưu tiên cả về tiêu chuẩn tuyển sinh lẫn hỗ trợ tài chính. Tóm lại, GDDH Hoa Kỳ quan tâm đến sự nhập học và tạo cơ hội học tập.

Đặc trưng này khiến một số người hoài nghi, bi quan và gièm pha. Những người bi quan cho rằng sự quan tâm của Hoa Kỳ đến việc nhập học và tạo cơ hội thứ hai còn ít hơn so với việc tạo ra một tấm “màn che” cao quý phủ lên nhu cầu giúp các trường có căn cứ để thu học phí và nhận trợ cấp của bang dựa trên số sinh viên nhập học. Những người hoài nghi sẽ nói rằng cái được gọi là “sự quan tâm” thực ra rất không thích hợp, bởi trên thực tế các kết quả - tức là việc cấp bằng đại học và thậm chí cả bằng sau đại học hoặc chuyên môn sâu - của các trường đại học uy tín nhất (chiếc cổng dẫn đến địa vị và quyền lực trong xã hội Mỹ) thì vẫn cứ thiên về người da trắng và người giàu có. Cuối cùng, những người gièm pha cho rằng sự quan tâm này được đặt nhằm và thậm chí còn sai chỗ - nhập học cho những người không có đủ năng lực học tập và thay sự xét đoán về học thuật bằng sự xét đoán về chính trị.

Tóm lại, những sự khác nhau giữa GDDH Hoa Kỳ và hầu hết các nước khác là rất nổi bật. Hầu như tất cả các nước đều đánh giá cao và nói nhiều về sự bình đẳng về cơ hội. Đối với hầu hết các nước thì điều đó có nghĩa là nhập học thông qua những cuộc thi tuyển sinh đại học khách quan, và đôi khi được chuẩn hóa, hoặc không thu học phí và hỗ trợ sinh hoạt phí cho sinh viên. Sự bình đẳng về cơ hội được cho là đã thể hiện rất đầy đủ

thông qua một nhóm nhỏ sinh viên ưu tú nhất và chăm học nhất từ các gia đình nghèo, từ nông thôn hay các vùng dân tộc thiểu số được vào đại học. Có vẻ như chỉ có Hoa Kỳ mới đo lường sự bình đẳng về cơ hội không phải bằng thành công vượt trội của một số con em xuất sắc của các phụ huynh nghèo hay ở nông thôn mà bởi thành công khiêm tốn hơn của đông đảo sinh viên nghèo xuất thân từ nông thôn và từ các dân tộc thiểu số.

Trên nhiều phương diện, các hệ thống cũng như các trường đại học của Hoa Kỳ và của các nước khác có vẻ như đang hội tụ. Nhưng dù sao những mặt khác biệt vẫn còn, và điều quan trọng là không những cần phải nhận thức được chúng mà còn phải hiểu được những bối cảnh của chúng về lịch sử và văn hóa. ■

Chú thích:

1. Thuật ngữ “university” nói chung chỉ tính đa ngành và việc có đào tạo văn bằng cao nhất (tiến sĩ) ở mọi hoặc hầu hết các khoa. Tuy nhiên, có nhiều trường tự gọi mình là “university” mà không có quyền cấp bằng tiến sĩ. Thuật ngữ “college” có thể có nghĩa là: (a) bộ phận thuộc cấp đại học (undergraduate) của một university - chẳng hạn Harvard College (của Harvard University); (b) một trường đại học được phép đào tạo chỉ các bằng bốn năm hoặc hai năm hoặc đôi khi đào tạo cả bằng master nhưng nói chung không đào tạo tiến sĩ - chẳng hạn như Oberlin College, Buffalo State College, hoặc Portland Community College; hoặc (c) một khoa (faculty) của university - chẳng hạn như College of Arts and Sciences hoặc College of Medicine. Tình hình thậm chí còn phức tạp hơn khi có một số ít trường đại học nghiên cứu chọn sử dụng từ “college” để gọi tên mình, như Dartmouth College hoặc Boston College.
2. Tức là tỷ lệ sinh viên của cộng đồng nào đó trên tổng số sinh viên trong cả nước thấp hơn tỷ lệ dân số của cộng đồng đó trên tổng dân số (ND).

Người dịch: Đỗ Thị Diệu Ngọc

Nguồn: *Lược dịch từ nguyên bản THE US HIGHER EDUCATION SYSTEM by Prof. D. Bruce Johnston, State University of New York in Buffalo, USA.*